

NGHIÊN CỨU CÁC THỦ THUẬT DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH LUẬT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

Tổng Hưng Tâm¹, Nguyễn Hưng Bình²

¹Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

²Tổ chức UTOPIA

Tóm tắt

Tiếng Anh chuyên ngành đóng vai trò quan trọng trong quá trình lĩnh hội tri thức, giúp sinh viên phát triển về chuyên môn khi khai thác tài liệu chuyên ngành trong và sau khi ra trường. Chuyên ngành Luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tuy còn non trẻ đối với các ngành truyền thống nhưng đã khẳng định được vị thế riêng khi luôn chú trọng chất lượng đào tạo, đặc biệt là tiếng Anh chuyên ngành Luật. Giáo trình, đề cương chi tiết và các thủ thuật dạy học luôn được điều chỉnh và cập nhật. Các thủ thuật dạy và học thực sự phát huy hiệu quả trong quá trình dạy và học tiếng Anh chuyên ngành Luật như: Giảng viên cần có chiến lược lựa chọn kiến thức phù hợp; Dạy học theo mô hình dự án; Trao quyền cho sinh viên tự chủ trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ bài học; Thiết kế đa dạng các bài tập bổ trợ cho từng nhóm đối tượng sinh viên khác nhau; Tiếp cận bài học một cách đa chiều; Nêu tình huống và tìm giải pháp; Lồng ghép các yếu tố văn hóa; Học theo nhóm nhỏ; Truyền cảm hứng từ niềm tự hào nghề nghiệp. Tùy theo nội dung, thời gian và trình độ của sinh viên, giảng viên linh hoạt lựa chọn thủ thuật nào cho giai đoạn kiến thức nào để đạt được mục tiêu dạy học.

Abstract

Research techniques to teach and study english for Law at Hanoi University of Natural Resources and Environment

Specialized English plays an important role in the process of acquiring knowledge, helping students develop professionally when exploiting specialized materials during and after graduation. Although the Law major at Hanoi University of Natural Resources and Environment still young for traditional majors, has affirmed its own position by always focusing on training quality, especially English for law majors. Textbooks, detailed outlines and teaching techniques are always adjusted and updated. The teaching and learning techniques really promote effectiveness in the process of teaching and learning special English, such as: Teachers need to have a strategy to choose appropriate knowledge; Teaching by project model; Empower students to be autonomous in the process of performing lesson tasks; Design a variety of supplementary exercises for different groups of students; Approach the lesson in a multi-dimensional way; State the situation and find the solution; Integrating cultural factors; Study in small groups; Inspired by professional pride. Depending on the content, time and level of students, teachers flexibly choose which tricks for which knowledge stage to achieve teaching goals.

1. Giới thiệu

Không ai có thể phủ nhận sự thiết yếu của tiếng Anh (TA) trong thời kỳ toàn cầu hóa hiện nay. Bên cạnh các yêu cầu về giao tiếp, tiếng Anh chuyên ngành (TACN) cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình tri nhận kiến thức và tinh hoa nhân loại bởi mọi ngành nghề đều có một phần môn tiếng Anh chuyên ngành riêng của mình. Với vai trò thiết yếu về cơ sở luật pháp và theo đà hội nhập quốc tế diễn ra trên nhiều lĩnh vực, TACN Luật được coi như nền tảng cho quá trình hội nhập thành công trong thời đại toàn cầu hóa diễn ra trên các lĩnh vực. Nếu thiếu hụt vốn tiếng Anh học thuật đó, những tri thức trẻ sẽ gặp không ít khó khăn và hạn chế trong phát triển sự nghiệp về sau.

Nhưng làm thế nào để giảng viên (GV) truyền thụ kiến thức đến SV một cách khoa học, tích cực, đạt kết quả; làm thế nào để SV có thể tiếp thu tri thức và thực hành ngôn ngữ một cách có hiệu quả trong ngữ cảnh thực, ... vẫn là câu hỏi được nhiều học giả quan tâm. Đặc biệt trong dạy và học TACN Luật, sử dụng các thủ thuật dạy và học nào để SV tiếp cận với TACN Luật để học, hiểu, ứng dụng và đọc các tài liệu tiếng Anh trong và sau khi ra trường. Làm thế nào để SV tiếp cận với nguồn tri thức cập nhật của nhân loại để học tập và thực thi các nhiệm vụ chuyên ngành cần có một nghiên cứu để có được phương pháp dạy và học TACN Luật một cách hiệu quả nhất.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Tiếng Anh là ngôn ngữ Quốc tế, nhất là trong quan hệ luật pháp. Điều này lại vô cùng quan trọng đối với luật sư và các tổ chức có liên quan đến việc thi hành pháp luật. Hơn thế nữa, khả năng Anh ngữ trong lĩnh vực luật pháp, không chỉ đơn thuần là khả năng sử dụng tiếng Anh tốt mà là một phương tiện đánh giá sự chuyên nghiệp của ngành Luật và ảnh hưởng đến sự thành công của nghề Luật. Sau khi ra trường, SV làm các công việc như trong vai luật sư đại diện thân chủ trước tòa. Phỏng vấn và tư vấn thân chủ, thương thảo hợp đồng với đối tác; Soạn thảo văn bản và hợp đồng, đơn khởi kiện. Đặc biệt trong các hoạt động thương mại quốc tế. Nhờ có đội ngũ luật sư, các chuyên gia, các nhà ngoại giao giỏi nghiệp vụ và có lợi thế về tiếng Anh, đặc biệt là TACN Luật. Ngày 30/6/2018, EU và Việt Nam đã chính thức ký kết EVFTA và IPA. Hai năm sau, EVFTA được Hội đồng Châu Âu thông qua vào ngày 30/3/2020 và phía Việt Nam phê chuẩn vào ngày 8/6/2020. Ngày 01/8/2020, EVFTA chính thức có hiệu lực [4].

Ngành Luật được coi như một trong những chuyên ngành đang trên đà phát triển và tạo được sức hút đáng kể đối với các nhà tuyển dụng. Trang bị cho SV kiến thức chuyên ngành và TACN luôn được chú trọng (Jaques, D. 2000) [5]. Tuy nhiên làm thế nào để SV CN Luật học tốt và sử dụng TACN trong và sau khi học tại trường luôn được quan tâm. Tác giả đã tiến hành nghiên cứu để tìm hiểu quá trình phát triển của Bộ môn Luật và vai trò của tiếng Anh CN Luật trong quá trình học của SV, sau đó xác định ứng dụng thủ thuật dạy TACN như thế nào sẽ giúp hỗ trợ SV học và thực hành tiếng tốt hơn. Những phát hiện trong quá trình nghiên cứu sẽ mang lại những kết quả phục vụ

cho quá trình dạy và học TACN Luật hiệu quả hơn. Nghiên cứu được tiến hành nhằm làm rõ các mục tiêu: (1) Quá trình phát triển của Bộ môn Luật và vai trò của tiếng Anh chuyên ngành Luật tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội hiện nay; (2) Những thủ thuật dạy và học tiếng Anh nào phổ biến hiện nay được áp dụng phát huy hiệu quả đối với tiếng Anh chuyên ngành Luật.

3. Cơ sở nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Cơ sở nghiên cứu

Trong nghiên cứu của mình, Denpasar (2015) [3] đã áp dụng các thủ thuật dạy học nhóm cho 32 SV CN Luật trong học kỳ I năm thứ 2 với chiến lược giảng dạy xác định cách tiếp cận mà GV có thể thực hiện để đạt được mục tiêu học tập. Hoạt động theo nhóm có kiểm soát của GV là một trong những cách giúp SV có thể bù đắp và bổ sung kiến thức cùng nhau sao cho trở nên tốt hơn. Thông qua quá trình trao đổi, thảo luận nhóm, SV sẽ biết được mình cần gì, muốn gì, thiếu ở đâu và dễ dàng nhờ cậy những thành viên trong nhóm giải đáp giúp.

Arthur (1997) [1] đã chỉ ra ích lợi khi áp dụng thủ thuật phát hiện và giải quyết vấn đề trong dạy học tình huống cho 25 SV học pháp lý cơ sở năm thứ nhất với tình huống về một vụ tranh chấp về sử dụng bãi đỗ xe công cộng giữa 2 công ty. SV hào hứng với ngữ cảnh thực và áp dụng khung pháp lý hiện hành vào thực tế để đưa ra các giải pháp và những gợi ý thực hiện. Đa số kết quả gần sát với thực tiễn trong hồ sơ. Richards, J and Rodgers, T. (1986) [10] nhấn mạnh việc hướng dẫn SV tìm chiến lược giải quyết vấn đề thông qua đề xuất và thực hiện hướng giải quyết vấn đề. Cần thu thập, sắp xếp dữ liệu, truy xuất tri thức; sử dụng những phương pháp, kỹ thuật nhận thức, tìm đoán suy luận như hướng đích, quy lạ về quen, đặc biệt hóa, chuyển qua những trường hợp suy biến, tương tự hóa, khái quát hóa, xem xét những mối liên hệ phụ thuộc, suy xuôi, suy ngược tiến, suy ngược lùi. Tác giả Lê Thị Minh và Hoàng Kim Thúy (2016) [7] đã nghiên cứu thực trạng học từ vựng trong các bài đọc hiểu tiếng Anh với đối tượng sinh viên chuyên ngành xã hội học. Việc áp dụng thủ thuật dạy học kết hợp trò chơi và dự án như tìm từ để hoàn thành câu, nối từ và định nghĩa hoặc giải thích thông qua bảng biểu hoặc sơ đồ đã giúp SV phát huy tính tự lực cao khi thực hành kiến thức lý thuyết vừa học vào khai thác nội dung bài đọc.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành với hai lớp ĐH9LA (50 SV) và ĐH10LA1 (52 SV) tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trong kỳ 2 năm học 2021. Nghiên cứu này được thực hiện theo phương pháp phân tích tổng hợp, thu thập và phân tích dữ liệu phỏng vấn trước và sau khi học. Quá trình phân tích đánh giá tổng hợp sẽ đưa ra những kết quả khách quan trong phạm vi cho phép. Tác giả sẽ phân tích các thủ thuật dạy và học TACN và kết quả trong quá trình học tập. Nghiên cứu với những kết quả khách quan sẽ phục vụ cho công tác giảng dạy TACN Luật đạt kết quả tốt hơn.

4. Kết quả nghiên cứu

Giảng dạy TA đòi hỏi mỗi GV phải tự trau dồi, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và không ngừng học tập, tìm tòi và ứng dụng đa dạng các thủ thuật khác nhau trong

quá trình dạy học giúp cho SV nắm bắt được tri thức một cách toàn diện cả về chất và lượng. Hiện nay có nhiều thủ thuật dạy học TACN phổ biến tại Việt Nam và trên thế giới. Tùy vào chuyên ngành, tùy vào đối tượng SV, tùy vào yêu cầu và mục đích của từng ngành để áp dụng linh hoạt và hiệu quả.

Các tác giả Mehjabin, N. (2007) [8], Johnson, D. W., Johnson, R. T. & Smith, K. A. (2014) [6], và Brookfield, S.D. & Preskill, S. (1999) [2] đã đề cập và liệt kê một số thủ thuật dạy TACN được áp dụng rộng rãi, đặc biệt là những thủ thuật phù hợp với quá trình dạy và học TACN Luật. Trong quá trình giảng dạy TACN Luật các thủ thuật này đã được áp dụng và có những phản hồi tích cực nhất định.

Có chiến lược lựa chọn kiến thức phù hợp: Mặc dù giáo trình đã được lựa chọn và thẩm định, số lượng bài và nội dung bài dạy và học đã có trong Đề cương chi tiết. Tuy nhiên, tùy vào đối tượng và trình độ SV của từng lớp, GV lên kế hoạch và quyết định các nội dung hoặc nhiệm vụ giảng dạy cho mỗi tiết phù hợp để đạt được mục tiêu đề ra giúp SV thông hiểu kiến thức hàn lâm một cách linh hoạt từ cơ bản đến nâng cao. Việc khai thác định hướng nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp đã làm không khí lớp học sôi nổi. Sau khi hoàn thành phần CII, SV quay lại làm phần AI nhanh hơn và độ chính xác cao hơn. Việc áp dụng chiến lược lựa chọn kiến thức phù hợp cho SV cơ hội thực hành ngôn ngữ chuyên ngành thực tế hơn.

Dạy học theo mô hình dự án: Đây hoàn toàn là thủ thuật khả thi và phát huy nội lực của SV khi trong một khoảng thời gian hạn hẹp, SV phải hoàn thành nội dung theo yêu cầu và trình bày lại dựa trên nhiệm vụ được giao có sử dụng khả năng thuyết trình thông qua khả năng nói một cách thuyết phục. Thủ thuật này giúp SV rèn luyện tính tự tin khi giao tiếp, thực hành sử dụng kiến thức chuyên ngành và khả năng ngôn ngữ hình thể để thu hút người nghe. Với việc thể hiện yêu cầu của bài đọc theo dự án, SV có thể nhìn vào mô hình, bảng biểu hoặc các gợi ý để trình bày chứ không phải học thuộc lòng. Hoạt động này giúp SV chủ động hình thành kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh có vận dụng kiến thức chuyên môn với các từ TACN một cách thành thạo.

Trao quyền cho SV tự chủ trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ bài học: Giảng dạy TACN chủ yếu là cung cấp từ vựng và nghĩa chuyên ngành thông qua ngữ cảnh và trong các bài đọc. Kiến thức chuyên ngành cơ bản đã có nhưng khi học TACN, SV phải vừa học ngôn ngữ, vừa vận dụng kiến thức chuyên môn để hiểu nghĩa trong ngữ cảnh cụ thể một cách chuyên sâu. Vì vậy, khi GV trao quyền cho SV thực hiện các yêu cầu của bài học, SV có thể thực hiện yêu cầu B trước khi thực hiện yêu cầu A vì họ hiểu nội dung để hoàn thành yêu cầu B nhanh hơn và có cơ sở để thực hiện yêu cầu A. Áp lực phải hoàn thành tất cả các bài cùng nhau giảm xuống, SV có thêm thời gian để vận dụng kiến thức chuyên môn kết hợp với từ vựng chuyên ngành giúp tiết kiệm thời gian, tạo sự thông hiểu rộng trong cả lớp. SV hình thành thói quen phản xạ với nội dung đa dạng và có giải pháp phù hợp cho từng ngữ cảnh học hơn.

Thiết kế đa dạng các bài tập bổ trợ cho từng nhóm đối tượng SV khác nhau: Tùy thuộc vào thời gian và điều kiện học tập cũng như môi trường học tập, GV nên chuẩn

bị sẵn một số các bài tập bổ trợ theo từng cấp độ. Trong trường hợp còn dư thời gian sẽ giao các bài tập có độ khó hơn hoặc ngược lại. Nếu thời gian hạn hẹp, có thể yêu cầu SV hoàn thành các nhiệm vụ trọng giáo trình theo nhóm nhỏ ở nhà để trao đổi và chia sẻ thông tin và giao các bài tập dễ, đơn giản làm ngay tại lớp để củng cố kiến thức nhanh. Khi thiết kế các bài tập bổ trợ phân loại theo trình độ, GV đã khuyến khích SV nỗ lực tham gia vào các hoạt động và kết quả của mỗi phần như một phần thưởng cho những cố gắng của SV khi bước qua nỗi ám ảnh về những áp lực khi học TACN, đặc biệt là TACN Luật.

Tiếp cận bài học một cách đa chiều: Không nên theo một khung phương pháp cố định như dạy từ vựng, dạy bài đọc, ôn tập ngữ pháp và thực hiện dịch một đoạn văn. GV có thể yêu cầu SV đọc và dịch bài đọc cho bài buổi sau ở nhà trong phần Homework nên SV sẽ phải tự tra từ (Có thể nghĩ chưa hoàn toàn chính xác). GV sẽ cung cấp nghĩa bổ xung trong quá trình SV thực hiện các hoạt động đọc và luyện tập. GV cũng có thể để SV thảo luận và trình bày theo nhóm nhỏ từ 3 đến 4 người về trình tự của một vụ án dân sự hoặc các yêu cầu cần thiết khi giải quyết một vấn đề tranh chấp. Nếu SV được tiếp cận nhiều hơn với các tình huống thực (có sự trợ giúp và hướng dẫn cụ thể của GV), việc nắm bắt và luyện tập TACN sẽ gắn với thực tế, giúp SV có động lực học chuyên ngành và TACN một cách khoa học, bài bản và có nhiều trải nghiệm nghề nghiệp hơn.

Nêu tình huống và tìm giải pháp: Khi ngôn ngữ được thực hành trong ngữ cảnh, SV sẽ áp dụng kiến thức đã học để tìm kiếm hướng giải quyết phù hợp vì kiến thức cơ sở ngành sẽ giúp SV có được những giải pháp phù hợp theo trình tự về thời gian, không gian hoặc các yếu tố đúng trình tự một cách logic. Để có được câu trả lời phù hợp, SV buộc phải suy nghĩ, cân nhắc và lựa chọn cũng như đưa ra các quyết định trong thời gian hạn định. Điều này giúp SV làm quen với việc xử lý tình huống nhanh và có tính thuyết phục cao hơn. Cùng một dữ kiện, cùng một tình huống cơ bản trong cùng thời gian, SV đã phát huy tốt khả năng học vào thực hành dưới sự dẫn dắt của GV để đạt được mục tiêu học tập. Bên cạnh đó còn kích thích lòng đam mê học hỏi giúp SV có được tri thức sau khi kết thúc khóa học.

Lồng ghép các yếu tố văn hóa: TACN luôn thể hiện các yếu tố văn hóa trong mỗi bài đọc, vì vậy việc cung cấp cho SV kiến thức văn hóa vừa làm cho nội dung bài học hấp dẫn, giảm áp lực kiến thức và hiểu tại sao vấn đề đó lại được giải quyết theo cách đó. Thông hiểu giúp bồi đắp cho SV vốn sống sau khi ra trường và làm việc trong môi trường toàn cầu một cách tự tin hơn với nền tảng văn hóa đa dạng và trình độ thông thạo khác nhau. Việc lồng ghép các yếu tố văn hóa vào bài học cũng giúp SV tiệm cận và hòa nhập tốt hơn trong thời đại toàn cầu hóa hiện nay. Tuy nhiên để đảm bảo nội dung bài học, GV chỉ nên lựa chọn những bài gắn với bản sắc văn hóa phổ biến ở nhiều nước hay sự khác biệt giữa văn hóa phương Tây và phương Đông chứ không thể dàn trải sẽ không đủ thời lượng cho bài học hoặc đảm bảo đúng Đề cương chi tiết đã đề ra.

Học theo nhóm nhỏ: Để hỗ trợ và bổ xung kiến thức cho nhau, học theo nhóm nhỏ từ 3 đến 4 SV có cả SV học trội hơn và SV cần luyện tập sẽ giúp GV kiểm soát được nội dung thảo luận và tiết kiệm thời gian. Đặc biệt các thành viên buộc phải tham gia vào quá trình hoàn thành nhiệm vụ được giao và không bị mất tập trung. Áp lực về thời gian và lượng bài được giao buộc SV phải cố gắng nhiều hơn để hoàn thành. Dù chưa đúng hết nhưng trách nhiệm học tập đã được đề cao nếu GV giám sát một cách chặt chẽ hơn.

Truyền cảm hứng từ niềm tự hào nghề nghiệp: Luôn đề cao vai trò của chuyên ngành trong xã hội và sự phát triển chung của thời đại giúp SV nhận thức rõ hơn vai trò quan trọng của việc chiếm lĩnh tri thức. Khẳng định vị thế của mỗi SV giúp thay đổi và làm cho môi trường sống tốt đẹp hơn. Mỗi cá nhân đều có thể mạnh riêng khi được GV khuyến khích, khen ngợi và trao niềm tin, bản thân SV đó sẽ phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu khi nhìn thấy thế mạnh của các SV khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập và tự thay đổi tích cực. Khơi dậy niềm tự hào nghề nghiệp và luôn coi mình là người đi tiên phong trong việc thực thi luật pháp giúp SV hiểu và trau dồi đạo đức nghề nghiệp.

5. Kết luận

Chuyên ngành Luật tuy còn non trẻ đối với các ngành truyền thống của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nhưng đã khẳng định được vị thế riêng khi số lượng SV đăng ký vào chuyên ngành Luật năm sau cao hơn năm trước. Chất lượng đầu vào cao giúp cho chất lượng đào tạo đầu ra thuận lợi. Bên cạnh việc chú trọng các môn học chuyên ngành nhằm trang bị tri thức cho SV trong và sau khi ra trường, môn TACN cũng nhận được sự quan tâm chú trọng từ Ban Giám hiệu và Bộ môn Luật, cũng như Bộ môn Ngoại ngữ. Để phát huy hiệu quả TACN vào thực tế, giáo trình và Đề cương chi tiết cũng như các thủ thuật dạy học luôn được điều chỉnh và cập nhật cho phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội nói chung và chuyên ngành Luật nói riêng.

Sự đa dạng của các thủ thuật dạy TACN giúp cho GV và SV có nhiều cách tiếp cận chương trình học hiệu quả hơn. Trong đó có một số thủ thuật thực sự phát huy hiệu quả trong quá trình dạy và học TACN Luật như GV cần có chiến lược lựa chọn kiến thức phù hợp; Dạy học theo mô hình dự án; Trao quyền cho SV tự chủ trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ bài học; Thiết kế đa dạng các bài tập bổ trợ cho từng nhóm đối tượng SV khác nhau; Tiếp cận bài học một cách đa chiều; Nêu tình huống và tìm giải pháp; Lồng ghép các yếu tố văn hóa; Học theo nhóm nhỏ; Truyền cảm hứng từ niềm tự hào nghề nghiệp. Tùy theo nội dung, thời gian và trình độ của SV, GV linh hoạt lựa chọn thủ thuật nào cho giai đoạn kiến thức nào để đạt được mục tiêu dạy học. Bên cạnh đó, quá trình áp dụng các thủ thuật này một cách rộng rãi hơn cũng cần thời gian để trải nghiệm và rút kinh nghiệm để phát huy tính hiệu quả và khắc phục những bất cập. Đặc biệt, SV CN Luật cần khắc phục những yếu tố khách quan, duy trì tính tự học, chia sẻ trao đổi kiến thức chuyên môn, có lộ trình học để đạt được mục tiêu học tập và có ý thức trách nhiệm trong khi học và sau khi ra trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Arthur Engel (1997). *Problem Solving Strategies*. Santa Clara University, USA.
- [2]. Brookfield, S.D. & Preskill, S. (1999). *Discussion as a Way of Teaching: Tools and Techniques for Democratic Classrooms*. San Francisco: Jossey-Bass Publishers. USA.
- [3]. Denpasar (2015). *Teaching and Assesing L2 Learners in the 21st Century*. Udayana University, Indonesia.
- [4]. Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu, Trích xuất tại <http://evfta.moit.gov.vn/>
- [5]. Jaques, D. (2000). *Learning in Groups: A Handbook for Improving Group Work*, 3rd ed. London: Kogan Page. UK.
- [6]. Johnson, D. W., Johnson, R. T., & Smith, K. A. (2014). *Cooperative learning: Improving university instruction by basing practice on validated theory*.
- [7]. Lê Thị Minh, Hoàng Kim Thúy (2016). *Thực trạng học từ vựng trong các bài đọc hiểu tiếng Anh chuyên ngành Xã hội học của sinh viên ngành Xã hội học, Khoa học xã hội trường Đại học Hồng Đức*. Tạp chí Giáo dục số 139. 141 - 142.
- [8]. Mehjabin, N. (2007). *Teaching Techniques that I use in my ESL classes: Pros and cons*. BRAC University, Bangladesh.
- [9]. Race, P. (2000). *500 Tips on Group Learning*. Journal on Excellence in College Teaching, 25 (3&4), 85 - 118. London: Kogan Page. UK.
- [10]. Richards, J and Rodgers, T. (1986). *Approaches and Methods in Language Teaching* Richards. CUP Cambridge Press. UK.